

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
CHỦ ĐỀ 7: NHẬT BẢN (BÀI 9)

Diện tích: 378 nghìn km².

Thủ đô: Tô-ky-ô.

Dân số: 126,8 triệu người (năm 2017).

Nội dung 1. Tự nhiên, dân cư và tình hình phát triển kinh tế

Nội dung 2. Các ngành kinh tế Nhật Bản

(Mục II. Bốn vùng kinh tế gắn với bốn đảo lớn: Học sinh tự học; Tiết 3. Thực hành: Học sinh tự làm).

I. NHIỆM VỤ TỰ HỌC, NGUỒN TÀI LIỆU CẦN THAM KHẢO:

1. Sách giáo khoa Địa lí lớp 11 chương trình cơ bản:

- Nội dung 1. Tự nhiên, dân cư và tình hình phát triển kinh tế: Đọc SGK từ trang 74 đến trang 78.
- Nội dung 2. Các ngành kinh tế: Đọc SGK từ trang 79 đến trang 82.

2. Tập bản đồ Địa lí 11 của NXB Giáo dục: trang 22, 23.

II. KIẾN THỨC CẦN GHI NHỚ:

Nội dung 1. Tự nhiên, dân cư và tình hình phát triển kinh tế

1. Điều kiện tự nhiên

a. Đặc điểm vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ:

- Là quần đảo nằm ở phía Đông Châu Á gồm 4 đảo lớn: Hô cai đô, Hôn xu, Xi cô cư, Kiu xiu và hàng nghìn đảo nhỏ
- Tiếp giáp: phía tây giáp Thái Bình Dương, phía đông giáp biển Nhật Bản

b. Đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên:

- Địa hình chủ yếu là núi trung bình và núi thấp, ít đồng bằng
- Khí hậu gió mùa, mưa nhiều. Phía bắc có khí hậu ôn đới, phía nam có khí hậu cận nhiệt
- Sông ngòi ngắn và dốc
- Nghèo tài nguyên thiên nhiên, nhất là khoáng sản
- Nhiều thiên tai
- Thuận lợi và khó khăn đối với phát triển kinh tế:
 - Thuận lợi: Quốc đảo, dễ giao lưu với các nước, ngư trường lớn, vùng biển có các dòng biển nóng và lạnh gặp nhau nên nhiều cá.
 - Khó khăn: Thiếu nguyên vật liệu, đất nông nghiệp hạn chế, nhiều thiên tai núi lửa, động đất, sóng thần..

2. Dân cư

- Đông dân, tốc độ gia tăng dân số hàng năm thấp và đang giảm dần.
- Tỷ lệ người già trong dân cư ngày càng lớn(dân số đang già đi), dẫn đến thiếu nhân công và nảy sinh nhiều vấn đề xã hội.
- Phần lớn dân cư tập trung ở các thành phố ven biển.
- Người dân lao động cần cù, trình độ dân trí và khoa học cao là động lực phát triển kinh tế.

3. Tình hình phát triển kinh tế

- Sau chiến tranh thế giới lần 2: Nền kinh tế Nhật Bản bị suy sụp nghiêm trọng nhưng đến năm 1952 nền kinh tế đã khôi phục trở lại bằng trước chiến tranh.
- Thời kỳ 1955 → 1973: Kinh tế tăng trưởng cao, GDP tăng từ 7,8% → 18,8% một năm. Do Nhật Bản chú trọng hiện đại hóa công nghiệp, tập trung phát triển những ngành then chốt, vừa phát triển xí nghiệp lớn vừa phát triển xí nghiệp nhỏ.
- Thời kỳ 1973 → 1980: Do khủng hoảng dầu mỏ nên nền kinh tế tăng trưởng giảm còn 2,6% năm 1980.
- Thời kỳ 1986 → 1990: Nhờ điều chỉnh chiến lược phát triển kinh tế, nên tốc độ tăng GDP trung bình đạt 5,3%.
- Hiện nay: Nhật Bản đứng thứ hai thế giới về kinh tế, khoa học, tài chính...

Nội dung 2. Các ngành kinh tế

1. Các ngành kinh tế chủ chốt

- *Công nghiệp*: Giá trị sản lượng công nghiệp đứng thứ hai thế giới, nhiều ngành đứng hàng đầu thế giới.
- *Dịch vụ*:
 - Là khu vực kinh tế quan trọng(chiếm gần 70% GDP). Thương mại, tài chính có vai trò to lớn trong nền kinh tế. Giao thông vận tải biển có vị trí đặc biệt quan trọng.
 - Nhật Bản đứng thứ tư thế giới về thương mại Bán hàng của Nhật Bản bao gồm các nước phát triển và đang phát triển.
 - Xuất khẩu: Sản phẩm công nghiệp chế biến chiếm 99% tổng xuất khẩu.
 - Nhập khẩu:
 - Sản phẩm nông nghiệp: lúa mì, đỗ tương, thịt, đường và hoa quả.
 - Năng lượng: than và dầu khí
 - Nguyên liệu công nghiệp: quặng mỏ, gỗ, cao su,...
 - Nhật Bản là nước đứng đầu thế giới về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài (FDI) và viện trợ phát triển chính thức (ODA)
- *Nông nghiệp*: Có vị trí thứ yếu trong nền kinh tế (chiếm 1% GDP), do diện tích đất canh tác ít. Nông nghiệp phát triển theo hướng thâm canh, chú trọng tăng năng suất và chất lượng nông sản. Sản lượng hải sản đánh bắt lớn, nuôi trồng hải sản được chú trọng.

2. Phân bố các ngành kinh tế chủ chốt

- *Công nghiệp*: Tập trung ở duyên hải Thái Bình Dương của các đảo Hôn- su, Kiu- xiu.
- *Các thành phố lớn, các trung tâm kinh tế*: Tô-ki-ô, Cô-bê, Iô-cô-ha-ma...

III. BÀI TẬP

A. TỰ LUẬN

Nội dung 1. Tự nhiên, dân cư và tình hình phát triển kinh tế

Câu 1: Dựa vào tập bản đồ Địa lí 11 trang 22, kết hợp với kiến thức đã học, hãy trình bày đặc điểm vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của Nhật Bản.

.....

.....

.....

Câu 2: Dựa vào tập bản đồ Địa lí 11 trang 22, kết hợp với kiến thức đã học, hãy trình bày đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và phân tích những thuận lợi, khó khăn của chúng đối với sự phát triển kinh tế

– *Đặc điểm tự nhiên:*

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

– *Thuận lợi và khó khăn đối với phát triển kinh tế:*

• Thuận lợi:

.....

.....

• Khó khăn:

.....

.....

Câu 3: Phân tích các đặc điểm dân cư và ảnh hưởng của chúng tới kinh tế Nhật Bản?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 4: Hãy nêu những đặc điểm, nguyên nhân về tình hình phát triển kinh tế của Nhật Bản?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 5: Dựa vào tập bản đồ địa lý trang 22:

a. Kể tên các dãy núi, bán đảo, đồng bằng thuộc đảo Hôccaiđô?

- Dãy núi:
- Bán đảo:
- Đồng bằng:

b. Kể tên các khoáng sản, núi lửa thuộc đảo Hôn-su?

- Khoáng sản:
- Núi lửa:

c. Kể tên các kiểu rừng chính ở Nhật Bản? Trong đó kiểu rừng nào chiếm diện tích lớn nhất?

.....

.....

d. Kể tên các con sông thuộc đảo Kiuxiu?

.....

Nội dung 2. Các ngành kinh tế

Câu 6: Dựa vào tập bản đồ Địa lí 11 trang 23 và kiến thức đã học, hãy cho biết các ngành kinh tế chủ chốt của Nhật Bản và sự phân bố của chúng?

- Các ngành kinh tế chủ chốt:

+ Công nghiệp:

.....

.....

+ Dịch vụ:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

+ Nông nghiệp:

.....

.....

- Phân bố các ngành kinh tế chủ chốt:

+ Công nghiệp:

.....

.....

+ Các thành phố lớn, các trung tâm kinh tế:

.....

Câu 7: Dựa vào tập bản đồ Địa lí 11 trang 23, xác định trung tâm công nghiệp có quy mô lớn? Tại sao hầu như các trung tâm công nghiệp có quy mô lớn đều nằm phía Đông-Nam hòn đảo Hôn-su?

* Các trung tâm công nghiệp có quy mô lớn:

* Các trung tâm công nghiệp có quy mô lớn đều nằm ở phía Đông Nam đảo Hôn xu vì:

Câu 8: Dựa vào tập bản đồ địa lý trang 23, kết hợp với kiến thức đã học:

a. Cho biết những sản phẩm công nghiệp nào của Nhật Bản nổi tiếng trên Thế giới?

b. Nhận xét mức độ tập trung và đặc điểm phân bố công nghiệp của Nhật Bản

- Công nghiệp Nhật Bản có sự ở và
- Các trung tâm công nghiệp phân bố ở, nhất là

Câu 9: Dựa vào tập bản đồ địa lý trang 23, kết hợp với kiến thức đã học hãy trình bày sự phân bố các ngành công nghiệp sau ở Nhật Bản:

Ngành công nghiệp	Phân bố ở các trung tâm công nghiệp
Sản xuất ô tô	
Sản xuất điện tử	
Dệt – may	
Đóng tàu	

Câu 10: Dựa vào tập bản đồ địa lý trang 23, kết hợp với kiến thức đã học so sánh quy mô, cơ cấu ngành công nghiệp của trung tâm công nghiệp Tôkiô và trung tâm công nghiệp Côchi?

- Giống nhau: Đều có ngành
- Khác nhau:
 - + Trung tâm công nghiệp Tôkiô có quy mô, còn trung tâm công nghiệp Côchi có quy mô
 - + Trung tâm công nghiệp Tôkiô có cơ cấu ngành, có thêm ngành, mà trung tâm công nghiệp Côchi không có.

Câu 11: Dựa vào tập bản đồ địa lý trang 23, em hãy kể tên các vùng nông nghiệp chính ở Nhật Bản? Trong đó vùng nào chiếm diện tích lớn nhất?

- Có vùng nông nghiệp chính:
- +

- +
 +
 – Trong đó chiếm diện tích lớn nhất

Câu 12. Hãy khái quát cơ cấu ngoại thương của Nhật Bản.

.....

Câu 13. Cho bảng số liệu sau:

GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU CỦA NHẬT BẢN QUA CÁC NĂM
 (Đơn vị: tỉ USD)

Năm	1995	2000	2004	2010	2015
Xuất khẩu	443,1	479,2	565,7	769,8	624,8
Nhập khẩu	335,9	379,5	454,5	692,4	648,3

a. Hãy tính cán cân thương mại

Năm	1995	2000	2004	2010	2015
Cán cân thương mại (Tỉ USD)					

b. Hãy xác định biểu đồ thích hợp nhất thể hiện giá trị xuất, nhập khẩu của Nhật Bản qua các năm.

Biểu đồ.....

c. Nhận xét giá trị xuất, nhập khẩu của Nhật Bản qua các năm

- Nhìn chung, giá trị xuất, nhập khẩu của Nhật Bản qua các năm có sự
- Giai đoạn 1995 – 2010: Giá trị xuất, nhập khẩu tăng....., trong đó giá trị xuất khẩu tăng.....lần, giá trị nhập khẩu tăng.....lần.
- Giai đoạn 2010 - 2015: Giá trị xuất, nhập khẩu
- Cán cân xuất nhập khẩu luôn....., riêng năm 2015 cán cân xuất nhập khẩu

B. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Quần đảo Nhật Bản nằm trên

- A. Thái Bình Dương
 B. Ấn Độ Dương
 C. Bắc Băng Dương
 D. Đại Tây Dương

Câu 2. Dạng địa hình chủ yếu của Nhật Bản là

- A. đồi núi
 B. núi cao
 C. cao nguyên
 D. đồng bằng

Câu 3. Khu vực phía nam của Nhật Bản có khí hậu

- A. cận nhiệt đới
- C. ôn đới lục địa

- B. cận xích đạo
- D. ôn đới hải dương

Câu 4. Những năm 1973-1974 và 1979-1980 tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế Nhật Bản giảm sút mạnh là do

- A. khủng hoảng tài chính trên thế giới
- B. khủng hoảng dầu mỏ trên thế giới
- C. sức mua thị trường trong nước giảm
- D. thiên tai, động đất, sóng thần xảy ra nhiều

Câu 5. Nhận xét nào **không đúng** về tình hình dân số của Nhật Bản là

- A. Đông dân và tập trung chủ yếu ở các thành phố ven biển
- B. Tốc độ gia tăng dân số thấp nhưng đang tăng dần
- C. Tỷ lệ người già trong dân cư ngày càng lớn
- D. Tỷ lệ trẻ em đang giảm dần

Câu 6: Cho bảng số liệu:

TỐC ĐỘ TĂNG GDP CỦA NHẬT BẢN QUA CÁC NĂM

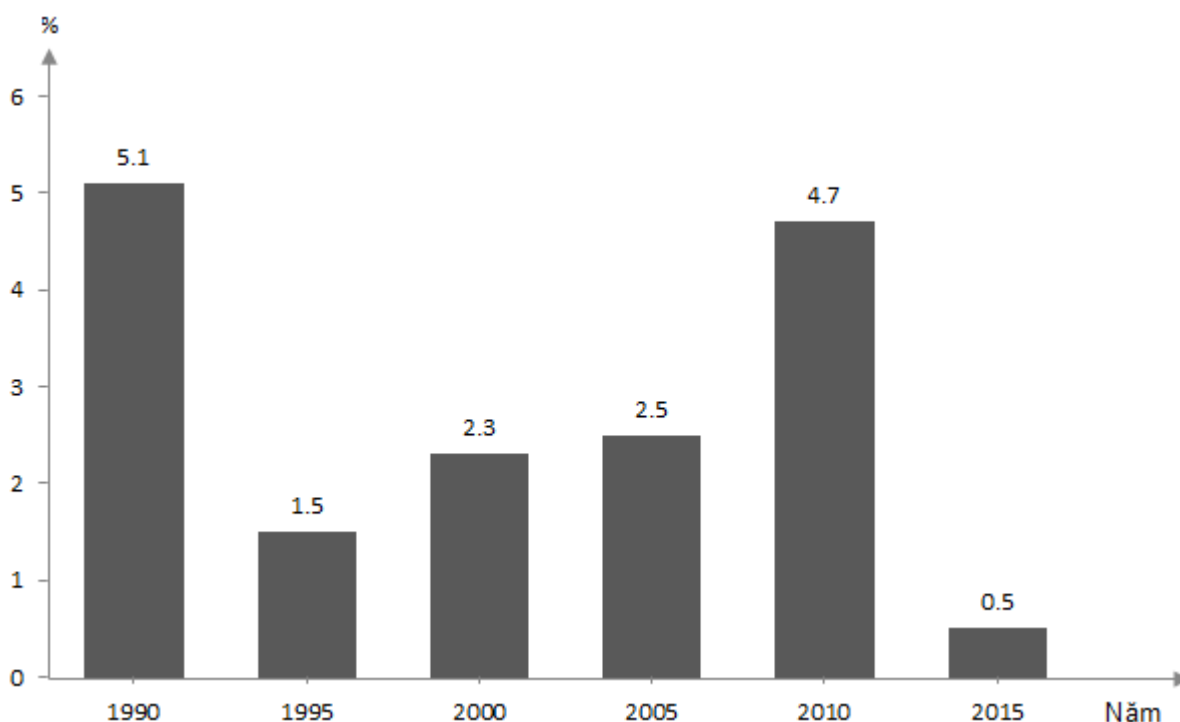
(Đơn vị: %)

Năm	1990	1995	2000	2005	2010	2015
Tốc độ tăng GDP	5,1	1,5	2,3	2,5	4,7	0,5

Nhận xét nào sau đây là đúng với bảng số liệu trên?

- A. Tốc độ tăng GDP của Nhật Bản luôn giữ ổn định
- B. Tốc độ tăng GDP của Nhật Bản ở mức cao hàng đầu thế giới
- C. Tốc độ tăng GDP của Nhật Bản không ổn định
- D. Tốc độ tăng GDP của Nhật Bản có xu hướng giảm nhanh

Câu 7: Cho biểu đồ



Biểu đồ tốc độ tăng trưởng GDP của Nhật Bản qua các năm (%)

Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây là đúng

- A. Tốc độ tăng trưởng GDP của Nhật Bản giảm liên tục
- B. Tốc độ tăng trưởng GDP của Nhật Bản cao hàng đầu thế giới

- C. Tốc độ tăng trưởng GDP của Nhật Bản không ổn định
D. Tốc độ tăng trưởng GDP của Nhật Bản thấp và hầu như không biến động

Câu 8. Chiếm khoảng 40% giá trị hàng công nghiệp xuất khẩu của Nhật Bản đó là sản phẩm của ngành

- A. công nghiệp chế tạo
B. công nghiệp sản xuất điện tử
C. công nghiệp xây dựng và công trình công cộng
D. công nghiệp dệt, sợi, vải các loại

Câu 9. Ngành công nghiệp được coi là ngành mũi nhọn của nền công nghiệp Nhật Bản là ngành

- A. công nghiệp chế tạo máy
B. công nghiệp sản xuất điện tử
C. công nghiệp xây dựng
D. công nghiệp dệt may

Câu 10. Khó khăn chủ yếu để phát triển nông nghiệp Nhật Bản là

- A. diện tích đất nông nghiệp ít
B. thiếu nước tưới nghiêm trọng
C. lực lượng lao động thiếu hụt
D. thị trường có nhiều biến động

Câu 11. Cây trồng chính ở Nhật Bản là

- A. lúa gạo
B. lúa mì
C. cà phê
D. cao su

Câu 12: Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU CỦA NHẬT BẢN QUA CÁC NĂM

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	1990	1995	2000	2010	2015
Xuất khẩu	287,6	443,1	479,2	769,8	624,8
Nhập khẩu	235,4	335,9	379,5	692,4	648,3

Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự thay đổi cơ cấu giá trị xuất, nhập khẩu của Nhật Bản giai đoạn 1990 – 2015 là

- A. Biểu đồ tròn
B. Biểu đồ miền
C. Biểu đồ đường
D. Biểu đồ cột

IV. NỘI DUNG CHUẨN BỊ:

HS cần xem kỹ lý thuyết trong SGK trước khi tham khảo phần lý thuyết tóm lược và làm bài tập.

Nếu có thắc mắc HS liên hệ GVBM để được hỗ trợ.

V. ĐÁP ÁN

Câu 1: Dựa vào tập bản đồ Địa lí 11 trang 22, kết hợp với kiến thức đã học, hãy trình bày đặc điểm vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của Nhật Bản.

- Là quần đảo nằm ở phía Đông Châu Á gồm 4 đảo lớn: Hô cai đô, Hôn xu, Xi cô cư, Kiu xiu và hàng nghìn đảo nhỏ
- Tiếp giáp: phía tây giáp Thái Bình Dương, phía đông giáp biển Nhật Bản

Câu 2: Dựa vào tập bản đồ Địa lí 11 trang 22, kết hợp với kiến thức đã học, hãy trình bày đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và phân tích những thuận lợi, khó khăn của chúng đối với sự phát triển kinh tế

- Đặc điểm tự nhiên:

+Địa hình chủ yếu là núi trung bình và núi thấp, ít đồng bằng
+ Khí hậu gió mùa, mưa nhiều. Phía bắc có khí hậu ôn đới, phía nam có khí hậu cận nhiệt

- + Sông ngòi ngắn và dốc
- + Nghèo tài nguyên thiên nhiên, nhất là khoáng sản
- + Nhiều thiên tai

- Thuận lợi và khó khăn đối với phát triển kinh tế:

+ Thuận lợi: Quốc đảo, dễ giao lưu với các nước, ngư trường lớn, vùng biển có các dòng biển nóng và lạnh gặp nhau nên nhiều cá.

+ Khó khăn: Thiếu nguyên vật liệu, đất nông nghiệp hạn chế, nhiều thiên tai núi lửa, động đất, sóng thần...

Câu 3: Phân tích các đặc điểm dân cư và ảnh hưởng của chúng tới kinh tế Nhật Bản?

- Đông dân, tốc độ gia tăng dân số hàng năm thấp và đang giảm dần
- Tỉ lệ người già trong dân cư ngày càng lớn(dân số đang già đi), dẫn đến thiếu nhân công và nảy sinh nhiều vấn đề xã hội.
- Phân lớn dân cư tập trung ở các thành phố ven biển
- Người dân lao động cần cù, trình độ dân trí và khoa học cao là động lực phát triển kinh tế.

Câu 4: Hãy nêu những đặc điểm, nguyên nhân về tình hình phát triển kinh tế của Nhật Bản?

- Sau chiến tranh thế giới lần 2: Nền kinh tế Nhật Bản bị suy sụp nghiêm trọng nhưng đến năm 1952 nền kinh tế đã khôi phục trở lại bằng trước chiến tranh.
- Thời kỳ 1955 → 1973: Kinh tế tăng trưởng cao, GDP tăng từ 7,8% → 18,8% một năm. Do Nhật Bản chú trọng hiện đại hóa công nghiệp, tập trung phát triển những ngành then chốt, vừa phát triển xí nghiệp lớn vừa phát triển xí nghiệp nhỏ.
- Thời kỳ 1973 → 1980: Do khủng hoảng dầu mỏ nên nền kinh tế tăng trưởng giảm còn 2,6% năm 1980.
- Thời kỳ 1986 → 1990: Nhờ điều chỉnh chiến lược phát triển kinh tế, nên tốc độ tăng GDP trung bình đạt 5,3%.
- Hiện nay: Nhật Bản đứng thứ hai thế giới về kinh tế, khoa học, tài chính...

Câu 5: Dựa vào tập bản đồ địa lý trang 22:

a. Kể tên các dãy núi, bán đảo, đồng bằng thuộc đảo Hôccaiđô?

- *Dãy núi*: Dãy Kitami, dãy Hidaca, dãy Iubari, dãy Têsirô.
- *Bán đảo*: Ôsima, sirôtôcô.
- *Đồng bằng*: Tôcachi, Cônxen, Isicari.

b. Kể tên các khoáng sản, núi lửa thuộc đảo Hôn-su?

- *Khoáng sản*: Dầu mỏ, khí tự nhiên, chì – kẽm, kim loại hỗn hợp, đồng, vàng.
- *Núi lửa*: Núi Phú Sĩ, núi Canto, núi Riôhacu, núi Hôđaca, núi Xiranê.

c. Kể tên các kiểu rừng chính ở Nhật Bản? Trong đó kiểu rừng nào chiếm diện tích lớn nhất?

- Rừng lá kim
- Rừng lá rộng
- Rừng nhiệt đới ẩm

Trong đó, rừng lá rộng chiếm diện tích lớn nhất.

d. Kể tên các con sông thuộc đảo Kiuxiu?

Sông Chicugô, sông Hitôxuxê

Câu 6: Dựa vào tập bản đồ Địa lí 11 trang 23 và kiến thức đã học, hãy cho biết các ngành kinh tế chủ chốt của Nhật Bản và sự phân bố của chúng?

- Các ngành kinh tế chủ chốt:

+ Công nghiệp: Giá trị sản lượng công nghiệp đứng thứ hai thế giới, nhiều ngành đứng hàng đầu thế giới.

+ Dịch vụ: Là khu vực kinh tế quan trọng (chiếm gần 70% GDP). Thương mại, tài chính có vai trò to lớn trong nền kinh tế. Giao thông vận tải biển có vị trí đặc biệt quan trọng.

+ Nông nghiệp: Có vị trí thứ yếu trong nền kinh tế (chiếm 1% GDP), do diện tích đất canh tác ít. Nông nghiệp phát triển theo hướng thâm canh, chú trọng tăng năng suất và chất lượng nông sản. Sản lượng hải sản đánh bắt lớn, nuôi trồng hải sản được chú trọng.

- Phân bố các ngành kinh tế chủ chốt:

+ Công nghiệp: Tập trung ở duyên hải Thái Bình Dương của các đảo Hôn- su, Kiu- xiu.

+ Các thành phố lớn, các trung tâm kinh tế: Tô-ki-ô, Cô-bê, Iô-cô-ha-ma...

Câu 7: Dựa vào tập bản đồ Địa lí 11 trang 23, xác định trung tâm công nghiệp có quy mô lớn? Tại sao hầu như các trung tâm công nghiệp có quy mô lớn đều nằm phía Đông-Nam hòn đảo Hôn-su?

* Các trung tâm công nghiệp có quy mô lớn: TÔKIÔ, CAOAXIKI, IÔCÔHAMA, NAGÔIA, ÔXACA, CÔBÊ.

* Các trung tâm công nghiệp có quy mô lớn đều nằm ở phía Đông Nam đảo Hôn-xu vì:

- Đây là vùng có khí hậu cận nhiệt gió mùa thuận lợi cho việc sinh sống và sản xuất

- Là khu vực có địa hình đồng bằng lớn như đồng bằng Can-tô

- Là vùng có nhiều cảng biển và bờ biển mở rộng thuận lợi cho việc giao lưu, trao đổi hàng hóa với nhiều nước trên thế giới

Câu 8: Dựa vào tập bản đồ địa lý trang 23, kết hợp với kiến thức đã học:

c. Cho biết những sản phẩm công nghiệp nào của Nhật Bản nổi tiếng trên Thế giới? Tàu biển, ô tô, xe gắn máy, Rô-bốt, thiết bị điện tử, vô tuyến truyền hình, máy ảnh, sản phẩm tơ tằm, giấy in báo,...

d. Nhận xét mức độ tập trung và đặc điểm phân bố công nghiệp của Nhật Bản

- Công nghiệp Nhật Bản có sự tập trung cao độ ở phía Đông và Nam đảo Hôn-su

- Các trung tâm công nghiệp phân bố ở ven biển, nhất là ven biển Thái Bình Dương

Câu 9: Dựa vào tập bản đồ địa lý trang 23, kết hợp với kiến thức đã học hãy trình bày sự phân bố các ngành công nghiệp sau ở Nhật Bản:

Ngành công nghiệp	Phân bố ở các trung tâm công nghiệp
Sản xuất ô tô	Tôkiô, Iôcôhama, Nagôia, Côbê, Hirôsimô
Sản xuất điện tử	Xendai, Tôkiô, Iôcôhama, Caoaxaki, Nagôia, Oxaca, Côchi, Nagaxaki
Dệt – may	Hachinôhê, Tôkiô, Caoaxaki, Kiôtô, Côbê
Đóng tàu	Xappôrô, Tôkiô, Iôcôhama, Nagôia, Ôxaca, Côbê, Nagaxaki

Câu 10: Dựa vào tập bản đồ địa lý trang 23, kết hợp với kiến thức đã học so sánh quy mô, cơ cấu ngành công nghiệp của trung tâm công nghiệp Tôkiô và trung tâm công nghiệp Côchi?

- Giống nhau: Đều có ngành điện tử, hóa chất, đóng tàu, cơ khí

- Khác nhau:

+ Trung tâm công nghiệp Tôkiô có quy mô lớn, còn trung tâm công nghiệp Côchi có quy mô vừa.

+ Trung tâm công nghiệp Tôkiô có cơ cấu ngành đa dạng, có thêm ngành dệt may, chế biến nông sản, chế tạo máy bay, chế tạo ô tô mà trung tâm công nghiệp Côchi không có.

Câu 11: Dựa vào tập bản đồ địa lý trang 23 em hãy kể tên các vùng nông nghiệp chính ở Nhật Bản? Trong đó vùng nào chiếm diện tích lớn nhất?

- Có 3 vùng nông nghiệp chính:

- + Vùng trồng cây lương thực
- + Vùng trồng cây công nghiệp, rau và hoa quả
- + Vùng rừng
- Trong đó vùng rừng chiếm diện tích lớn nhất

Câu 12. Hãy khái quát cơ cấu ngoại thương của Nhật Bản.

- Nhật Bản đứng thứ tư thế giới về thương mại
- Bản hàng của Nhật Bản bao gồm các nước phát triển và đang phát triển.
- Xuất khẩu: Sản phẩm công nghiệp chế biến chiếm 99% tổng xuất khẩu.
- Nhập khẩu:
 - o Sản phẩm nông nghiệp: lúa mì, đỗ tương, thịt, đường và hoa quả.
 - o Năng lượng: than và dầu khí
 - o Nguyên liệu công nghiệp: quặng mỏ, gỗ, cao su,...
- Nhật Bản là nước đứng đầu thế giới về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài (FDI) và viện trợ phát triển chính thức (ODA)

Câu 13. Cho bảng số liệu sau:

GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU CỦA NHẬT BẢN QUA CÁC NĂM
(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	1995	2000	2004	2010	2015
<i>Xuất khẩu</i>	443,1	479,2	565,7	769,8	624,8
<i>Nhập khẩu</i>	335,9	379,5	454,5	692,4	648,3

a. Hãy tính cán cân thương mại:

Năm	1995	2000	2004	2010	2015
Cán cân thương mại (Tỉ USD)	107,2	99,7	111,2	77,4	- 23,5

b. Hãy xác định biểu đồ thích hợp nhất thể hiện giá trị xuất, nhập khẩu của Nhật Bản qua các năm.

Biểu đồ cột

c. Nhận xét giá trị xuất, nhập khẩu của Nhật Bản qua các năm

- Nhìn chung, giá trị xuất, nhập khẩu của Nhật Bản qua các năm có sự thay đổi/biến động.
 - + Giai đoạn 1995 – 2010: Giá trị xuất, nhập khẩu tăng nhanh, trong đó giá trị xuất khẩu tăng 1,73 lần, giá trị nhập khẩu tăng 2,06 lần.
 - + Giai đoạn 2010 - 2015: Giá trị xuất, nhập khẩu giảm.
- Cán cân xuất nhập khẩu luôn luôn dương, riêng năm 2015 cán cân xuất nhập khẩu - 23,5 tỉ USD.

B. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Quần đảo Nhật Bản nằm trên

A. Thái Bình Dương

B. Ấn Độ Dương

C. Bắc Băng Dương

D. Đại Tây Dương

Câu 2. Dạng địa hình chủ yếu của Nhật Bản là

A. đồi núi

B. núi cao

C. cao nguyên

D. đồng bằng

Câu 3. Khu vực phía nam của Nhật Bản có khí hậu

A. cận nhiệt đới

B. cận xích đạo

C. ôn đới lục địa

D. ôn đới hải dương

Câu 4. Những năm 1973-1974 và 1979-1980 tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế Nhật Bản giảm sút mạnh là do

- A. khủng hoảng tài chính trên thế giới
- B. khủng hoảng dầu mỏ trên thế giới**
- C. sức mua thị trường trong nước giảm
- D. thiên tai, động đất, sóng thần xảy ra nhiều

Câu 5. Nhận xét nào *không đúng* về tình hình dân số của Nhật Bản là

- A. Đông dân và tập trung chủ yếu ở các thành phố ven biển
- B. Tốc độ gia tăng dân số thấp nhưng đang tăng dần**
- C. Tỷ lệ người già trong dân cư ngày càng lớn
- D. Tỷ lệ trẻ em đang giảm dần

Câu 6: Cho bảng số liệu:

TỐC ĐỘ TĂNG GDP CỦA NHẬT BẢN QUA CÁC NĂM

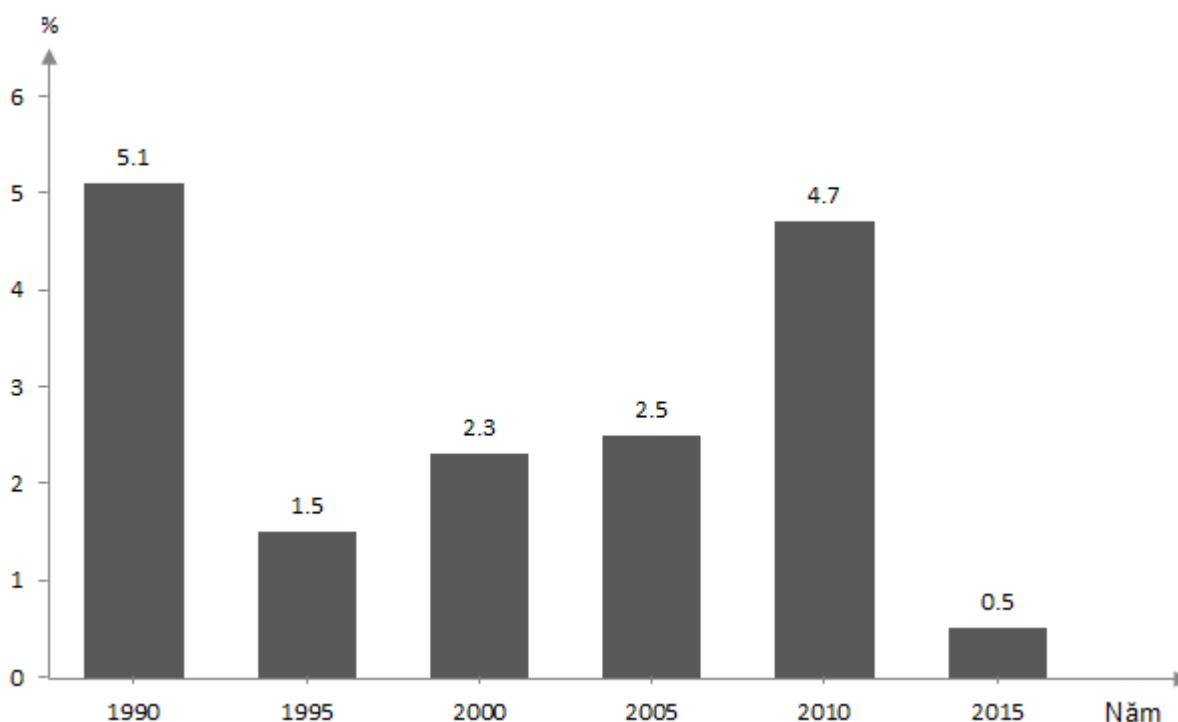
(Đơn vị: %)

Năm	1990	1995	2000	2005	2010	2015
Tốc độ tăng GDP	5,1	1,5	2,3	2,5	4,7	0,5

Nhận xét nào sau đây là đúng với bảng số liệu trên?

- A. Tốc độ tăng GDP của Nhật Bản luôn giữ ổn định
- B. Tốc độ tăng GDP của Nhật Bản ở mức cao hàng đầu thế giới
- C. Tốc độ tăng GDP của Nhật Bản không ổn định**
- D. Tốc độ tăng GDP của Nhật Bản có xu hướng giảm nhanh

Câu 7: Cho biểu đồ



Biểu đồ tốc độ tăng trưởng GDP của Nhật Bản qua các năm (%)

Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây là đúng

- A. Tốc độ tăng trưởng GDP của Nhật Bản giảm liên tục
- B. Tốc độ tăng trưởng GDP của Nhật Bản cao hàng đầu thế giới
- C. Tốc độ tăng trưởng GDP của Nhật Bản không ổn định**
- D. Tốc độ tăng trưởng GDP của Nhật Bản thấp và hầu như không biến động

Câu 8. Chiếm khoảng 40% giá trị hàng công nghiệp xuất khẩu của Nhật Bản đó là sản phẩm của ngành

A. công nghiệp chế tạo

B. công nghiệp sản xuất điện tử

C. công nghiệp xây dựng và công trình công cộng

D. công nghiệp dệt, sợi, vải các loại

Câu 9. Ngành công nghiệp được coi là ngành mũi nhọn của nền công nghiệp Nhật Bản là ngành

A. công nghiệp chế tạo máy

B. công nghiệp sản xuất điện tử

C. công nghiệp xây dựng

D. công nghiệp dệt may

Câu 10. Khó khăn chủ yếu để phát triển nông nghiệp Nhật Bản là

A. diện tích đất nông nghiệp ít

B. thiếu nước tưới nghiêm trọng

C. lực lượng lao động thiếu hụt

D. thị trường có nhiều biến động

Câu 11. Cây trồng chính ở Nhật Bản là

A. lúa gạo

B. lúa mì

C. cà phê

D. cao su

Câu 12: Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU CỦA NHẬT BẢN QUA CÁC NĂM

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	1990	1995	2000	2010	2015
Xuất khẩu	287,6	443,1	479,2	769,8	624,8
Nhập khẩu	235,4	335,9	379,5	692,4	648,3

Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự thay đổi cơ cấu giá trị xuất, nhập khẩu của Nhật Bản giai đoạn 1990 – 2015 là

A. Biểu đồ tròn

B. Biểu đồ miền

C. Biểu đồ đường

D. Biểu đồ cột